

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2022/HS-PT

Ngày: 23-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Phụng

Ông Dương Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 140/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Hoàng Minh C, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

- Bị cáo bị kháng nghị: **Hoàng Minh C**, sinh ngày 01-01-1981, tại Long An. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp TT, xã TT1, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân Q, sinh năm 1945 và bà Trần Thị T, sinh năm 1955; vợ Đào Thị D, sinh năm 1983; có 02 người con, sinh năm 2005 và sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-3-2022 đến ngày 23-6-2022 được áp dụng biện pháp thay đổi ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

Người bị hại:

1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1982;

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã BH, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn D và Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng cùng làm thu mua lúa. Hoàng Minh C là “cò” môi giới mua bán lúa. Hai bên đã hợp tác mua bán lúa, nẹp với nhau được nhiều năm. Vào vụ lúa nẹp mùa Hè - Thu năm 2021, C và vợ chồng T thỏa thuận: C sẽ làm “cò” giới thiệu cho vợ chồng T mua được 300 tấn nẹp. Vị trí đất thu hoạch thì C tự giới thiệu là đất ở khu vực Lô 2 và Lô 3 thuộc ấp Kinh 12, xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; về tiền đặt cọc cho nông dân là 2.000.000 đồng/01 hecta nẹp; tiền cò (tức là tiền hoa hồng) thì thỏa thuận thống nhất cho C 20.000 đồng/01 tấn nẹp thu mua được của người dân; khi thu mua được nẹp của người dân xong thì căn cứ vào số lượng thu mua được để nhân đầu tấn với số tiền 20.000 đồng là sẽ thành tiền cò để trả cho C. Tại quán nước của Nguyễn Thị Thúy gần cầu Ba Hồng Minh thuộc Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, T và C đã làm 03 giấy biên nhận vào các ngày 15-9-2021, 16-9-2021, 17-9-2021 với nội dung T mua nẹp của C tổng số lượng là 254 mẫu (hecta), với các giá là 4.400 đồng/kg, 4.550 đồng/kg và 4.600 đồng/kg, tổng số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng, thời gian giao nẹp từ ngày 9-8-2021(AL) tức là ngày 15-9-2021 (DL) đến ngày 10-9-2021 (AL) tức là ngày 15-10-2021 (DL) là dứt điểm. C đã nhận đủ 300.000.000 đồng tiền cọc lúc nẹp từ T.

Kết quả, vụ lúa nẹp mùa Hè - Thu năm 2021 C đã giới thiệu cho vợ chồng T mua được 13 hecta nẹp của ông Đỗ Văn Ngon Em, cân được 74 tấn nẹp, hai bên khấu trừ tiền cọc là 26.000.000 đồng, số tiền cọc còn lại là 274.000.000 đồng.

Sau đó, vợ chồng T đã nhiều lần yêu cầu C giao nẹp như thỏa thuận nhưng C đã nhiều lần đưa ra thông tin sai sự thật và kêu vợ chồng T 02 lần đưa ghe chở nẹp chạy ra khu vực cầu 79, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, chờ để cân nẹp nhưng thực ra C không có đặt cọc thu mua nẹp của ai ở khu vực cầu 79, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Quá trình điều tra, C khai nhận đã sử dụng số tiền đặt cọc còn lại của vợ chồng T để trả nợ cá nhân, bù lỗ trong quá trình làm cò lúa trước đó và sử dụng vào mục đích bất hợp pháp là cá độ bóng đá qua mạng dẫn đến không thực hiện đúng thỏa thuận và không còn khả năng trả lại tiền cho vợ chồng T.

Về tài liệu, đồ vật thu giữ:

- Một tờ giấy Biên nhận Hợp đồng mua bán nẹp ngày 15-9-2021 (DL) giữa bên mua là Nguyễn Thị Thu T và bên bán là Hoàng Minh C, các bên có ký tên và ghi rõ họ tên, ghi nội dung như sau: “Hôm nay tôi: Nguyễn Thị Thu T có mua nẹp lúa của ông Hoàng Minh C, SCMND: 301023034, ngày cấp 23-5-2012, nơi cấp: Long An. Địa chỉ: Tân Thiết-Tân Thành-Mộc Hóa-Long An. Tôi mua của ông số lượng mẫu là 94 mẫu từ mùng 9 đến 16 tháng 8-2021 dứt điểm. Giá 4.400 đồng 1 kg. Đặt cọc là 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn). Đồng ý ký tên.”

- Một tờ giấy Biên nhận 16-9-2021 (ĐI) giữa bên mua là Nguyễn Thị Thu T và bên bán là Hoàng Minh C, các bên có ký tên và ghi rõ họ tên, ghi nội dung như sau: “Hôm nay tôi: Nguyễn Thị Thu T có mua lúa - nếp của ông Hoàng Minh C, SCMND: 301023034 - cấp 23-5-2012: nơi cấp: Long An. Tôi mua của ông số lượng mẫu là 110 mẫu từ 22 đến mùng 2 là đực điểm. Mua giá 4.550 một kg. Đặc cọc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). Ngày tây 16-9-2021.”

- Một tờ giấy Biên nhận Hợp đồng mua nếp giữa bên mua là Nguyễn Thị Thu T và bên bán là Hoàng Minh C, các bên có ký tên và ghi rõ họ tên, ghi nội dung như sau: “Hôm nay 17-9-2021 (ĐI). tôi Nguyễn Thị Thu T có mua nếp của ông Hoàng Minh C, CMND: 301023034 - cấp 23-5-2012. Nơi cấp: Long An. Tôi mua nếp của ông 50 mẫu nếp giá 4.600 ngàn 1 kg. Đặc cọc là 100.000.000 đồng. Một trăm triệu đồng chẵn. Bắt đầu từ 2 đến mùng 10 đực điểm.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Minh C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Minh C 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chế độ án treo, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-8-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị số 121/QĐ-VKSLA, kháng nghị một phần đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An về phần áp dụng hình phạt theo hướng tăng nặng hình phạt và không cho hưởng án treo đối với bị cáo Hoàng Minh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An giữ nguyên kháng nghị.

- Bị cáo Hoàng Minh C thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như án sơ thẩm đã xét xử và không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án và kháng nghị:

- Lời khai nhận của bị cáo Hoàng Minh C tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

- Về hình phạt: Bị cáo C bị truy tố, xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự và có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm tù. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo là quá nhẹ, không nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, không đáp ứng được công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này đang ngày càng gia tăng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Mẹ ruột và cha vợ là người có công với đất nước, nên ghi nhận xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo C có mức hình phạt tù từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong muốn được Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất hoặc án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đúng quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Minh C khai nhận: Bị cáo C và vợ chồng chị T có mối quan hệ làm ăn về việc bao tiêu lúa nếp đã nhiều năm. Trong các ngày 15, 16, 17-9-2021 bị cáo C đã nhận tiền đặt cọc từ vợ chồng chị T với số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền cọc, bị cáo C đã sử dụng để trả nợ cá nhân, bù lỗ trong quá trình làm cò lúa và sử dụng vào cá độ bóng đá qua mạng. Đến thời điểm giao nếp như thỏa thuận, bị cáo C chỉ giới thiệu cho vợ chồng chị T thu mua được 13 hecta nếp, hai bên khấu trừ tiền cọc là 26.000.000 đồng, số tiền cọc còn lại là 274.000.000 đồng bị cáo C không thực hiện đúng thỏa thuận và không còn khả năng trả lại tiền cho vợ

chồng bị hại T. Xét lời khai nhận của bị cáo C, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung của án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, thấy rằng: Tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm*”. Trong vụ án này, bị cáo C chiếm đoạt số tiền 274.000.000 đồng, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt thì mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho hưởng án treo là quá nhẹ, chưa nghiêm, chưa đánh giá hết tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ để chấp nhận và mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ để xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có mẹ ruột và cha vợ là người có công với đất nước, nên ghi nhận xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a và d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo Hoàng Minh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm a và d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, theo Quyết định kháng nghị số 121/QĐ-VKSLA ngày 18-8-2022. Sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An về phần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Minh C.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Minh C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Minh C 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được khấu trừ vào thời gian bị tạm tạm từ ngày 24-3-2022 đến ngày 23-6-2022.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Minh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- CQĐT huyện (01);
- Chi cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm